|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **Viện Kỹ thuật và Công nghệ** |  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Nghệ An, ngày 14 tháng 7 năm 2021* |

**BÁO CÁO**

**Tổng kết nhiệm kỳ Viện trưởng 2017-2020**

**Phần thứ nhất**

KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC CỦA VIỆN TRONG NHIỆM KỲ 2017-2020

**1. Đặc điểm tình hình**

***1.1. Khái quát về cơ cấu tổ chức, đội ngũ viên chức, người lao động, số lượng người học, cơ sở vật chất, trang thiết bị***

Thực hiện đề án tái cấu trúc Nhà trường, ngày 04/04/2017 Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành quyết định số 261/QĐ-ĐHV thành lập Viện Kỹ thuật và Công nghệ trên cơ sở các ngành đào tạo thuộc 3 khoa: Công nghệ thông tin, Điện tử Viễn thông, Vật lý và Công nghệ. Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, Ban giám hiệu Nhà trường, tình hình chính trị tư tưởng của cán bộ, sinh viên, học viên trong Viện nhanh chóng ổn định, đồng thuận và thích nghi với môi trường mới vì mục tiêu phát triển của Nhà trường và Viện trong giai đoạn mới.

Ngay sau khi thành lập, Đảng ủy bộ phận và Ban lãnh đạo Viện đã thực hiện cơ cấu lại các bộ môn, các tổ chức đoàn thể trong Viện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao vì mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Nghệ An, khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước. Tính đến tháng 7 năm 2021, Viện Kỹ thuật và Công nghệ có 06 bộ môn (*Hệ thống và Mạng máy tính; Khoa học máy tính và Công nghệ phần mềm; Điện tử - Viễn thông; Điều khiển tự động; Kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật ôtô*). Tổng số cán bộ: 46, trong đó: 43 giảng viên, 3 chuyên viên; gồm: 02 PGS, 13 TS, 28 ThS, 02 KS, 01 CN.

Hiện nay, viện Kỹ thuật và Công nghệ đang phụ trách đào tạo cho 09 ngành đào tạo đại học (*Công nghệ thông tin; Công nghệ thông tin - Hệ chất lượng cao; Khoa học máy tính; Kỹ thuật phần mềm; Kỹ thuật điện tử, viễn thông; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Công nghệ kỹ thuật điện điện tử; Công nghệ kỹ thuật nhiệt; Công nghệ kỹ thuật ôtô*) và 01 ngành đào tạo thạc sĩ (*Công nghệ thông tin*) với số lượng 1824 sinh viên hệ chính quy, 22 sinh viên hệ vừa làm vừa học và 33 học viên cao học.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị của Viện cơ bản đầy đủ, hỗ trợ tốt cho các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ và đào của Viện. Hệ thống văn phòng hoạt động hành chính gồm Văn phòng Viện, phòng Viện Trưởng, phòng Hội đồng Viện bố trí ở tầng 1 nhà A0, được trang bị đầy đủ các thiết bị máy tính, máy in, máy điều hòa, tủ lưu trữ, bàn, ghế, đèn chiếu sáng, máy chiếu, ... Các phòng sinh hoạt chuyên môn của Bộ môn và các phòng thực hành thí nghiệm được bố trí tập trung tại tòa nhà KTCN và xưởng thực hành kỹ thuật ô tô (cơ sở 2), thuận tiện cho việc triển khai các hoạt động chuyên môn và nghiên cứu khoa học.

***1.2. Những thuận lợi trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ***

- Ngay từ khi thành lập đến nay Viện Kỹ thuật và Công nghệ luôn nhận được sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban giám hiệu Nhà trường và sự hợp tác của các phòng ban chức năng liên quan.

- Viện được kế thừa truyền thống đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của các khoa trước đây với đội ngũ cán bộ trẻ trung, năng động.

- Tập thể cán bộ viên chức có phẩm chất đạo đức tốt, đủ trình độ chuyên môn phù hợp với ngành đào tạo, tận tâm với nghề nghiệp, sẵn sàng đảm nhận và hoàn thành mọi công viêc được giao.

***1.3. Những khó khăn trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ***

- Khối lượng công việc của Ban lãnh đạo Viện là rất lớn với nhiệm vụ quản lý 06 bộ môn, phục vụ đào tạo cho 09 ngành đào tao đại học, 01 ngành đào tạo thạc sĩ.

- Nhiều cán bộ giảng viên đang được cử đi đào tạo trong nước và nước ngoài, do đó chưa tập trung thực hiện nhiệm vụ công tác ở đơn vị.

- Năng lực nghiên cứu khoa học của các cán bộ trong Viện nhìn chung chưa đồng đều, chủ yếu tập trung vào một số cá nhân.

- Trong nhiệm kỳ 2017-2020 có nhiều khoảng thời gian bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 do đó việc thực hiện các nhiệm vụ của đơn vị gặp nhiều khó khăn.

*Căn cứ vào kết quả thực hiện các Nghị quyết của Đảng, Nghị quyết Hội nghị viên chức hằng năm, Viện Kỹ thuật và Công nghệ báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của nhiệm kỳ Viện trưởng 2017-2020 như sau:*

**2. Kết quả đạt được**

***2.1. Công tác chính trị tư tưởng, truyền thông và cải cách hành chính***

- Đảng ủy bộ phận, Ban lãnh đạo Viện thường xuyên quan tâm đến công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng trong cán bộ, viên chức, sinh viên và học viên trong toàn Viện. Phát huy vai trò của Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên trong công tác giáo dục chính trị cho học viên, sinh viên với nhiều hoạt động thiết thực và có ý nghĩa.

- Ban lãnh đạo Viện đã quán triệt việc thực hiện kế hoạch năm học của Trường và Viện tới tất cả cán bộ, giảng viên. Tiếp tục thực hiện nghiêm túc nề nếp, kỷ cương dạy học, làm việc; triển khai nhiều hoạt động đổi mới công tác điều hành, quản lý theo hướng nâng cao hiệu lực, hiệu quả. Tăng cường ứng dụng Công nghệ thông tin trong công tác điều hành, quản lý đơn vị.

- Công tác thi đua khen thưởng được Viện và các Đoàn thể được chú trọng. Tất cả các bộ môn đã làm tốt công tác xếp loại viên chức hàng tháng theo đúng quy định và thực hiện tốt việc xét các danh hiệu thi đua trong năm học cho các tập thể và cá nhân.

- Tổ chức có chất lượng các Hội nghị định kỳ như: Hội nghị cán bộ, viên chức và duyệt kế hoạch năm học; Hội nghị sơ kết, tổng kết năm học.

- Thành lập bộ phận quản trị website, tổ truyền thông. Xây dựng kế hoạch, triển khai các hoạt động truyền thông gắn liền với quảng bá tuyển sinh hằng năm.

***2.2. Công tác tổ chức, cán bộ và phát triển đội ngũ***

- Chức năng và nhiệm vụ của Viện đã được xác định rõ ràng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và các nguồn lực của Nhà trường. Hoạt động của các tổ chức chính trị, đoàn thể trong Viện dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển đội ngũ cán bộ quản lý theo chủ trương quy hoạch cán bộ của Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường; có kế hoạch tạo nguồn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, giảng viên hàng năm.

- Công tác phát triển đội ngũ của Viện luôn được chú trọng và được coi là nhiệm vụ then chốt trong hoạt động của đơn vị. Giai đoạn 2017-2020 Viện có 01 giảng viên được công nhận và bổ nhiệm chức danh PGS, 05 giảng viên bảo vệ thành công luận án tiến sĩ, 05 giảng viên được cử đi học NCS ở nước ngoài, 04 giảng viên được cử đi học NCS ở trong nước, nhiều cán bộ giảng viên hoàn thành các chương trình đào tạo thạc sĩ, các khóa học về ngoại ngữ, nghiệp vụ sự phạm, an ninh quốc phòng, lý luận chính trị. Cũng trong giai đoạn này, Viện tuyển dụng mới 03 cán bộ giảng dạy, 09 CBVC được điều động luân chuyển, 07 CBVC được bổ nhiệm và bổ nhiệm lại, 01 CBVC chuyển công tác.

***2.3. Công tác đoàn thể và công tác sinh viên, học viên***

*2.3.1. Công tác công đoàn*

- Công đoàn bộ phận Viện Kỹ thuật và Công nghệ đã tổ chức và triển khai tốt Nghị quyết Đại hội đại biểu Công đoàn Trường Đại học Vinh lần thứ XXXIII, nhiệm kỳ 2017 - 2022, tổ chức có hiệu quả các hoạt động theo chương trình công tác của Công đoàn Viện hàng năm. Đẩy mạnh triển khai phong trào thi đua “*Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học”* trong toàn Viện;

- Tham gia tích cực các cuộc vận động và phong trào của ngành Giáo dục, của địa phương và các hoạt động do công đoàn Trường tổ chức như các hoạt động văn hoá, văn nghệ và thể dục thể thao chào mừng các ngày lễ, các sự kiện lớn của Nhà trường, …

- Phối hợp với Ban lãnh đạo Viện tổ chức tốt Hội nghị cán bộ, viên chức đầu năm học, các hoạt động nhân dịp ngày lễ 20/10, 20/11 và 8/3. Thực hiện tốt công tác hiếu hỉ.

- Công đoàn Viện luôn kip thời hỗ trợ, động viên các đoàn viên trong phát triển chuyên môn, nghiệp vụ. Các đoàn viên đều tích cực tham gia các lớp tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ do Trường tổ chức; tích cực tham gia thao giảng, dự giờ, đổi mới phương pháp giảng dạy; tham gia nhiều hội thi như: Hội thi giảng viên trẻ dạy giỏi, Hội thi giảng viên giỏi NVSP toàn quốc, …

*2.3.2. Công tác Đoàn thanh niên – Hội sinh viên*

- Công tác xây dựng tổ chức Đoàn - Hội được Đảng uỷ bộ phận và Ban lãnh đạo Viện quan tâm. Đoàn Viện đã quán triệt và triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội Đảng và Đại hội Đoàn các cấp, góp phần hoàn thành các kế hoạch năm học của Viện. Trong nhiệm kỳ 2017-2020, Đoàn thanh niên - Hội sinh viên của Viện đã thực hiện tốt các nhiệm vụ theo chương trình công tác của Đoàn trường.

- Được sự đồng ý của Nhà trường, Viện đã thành lập Câu lạc bộ Cứu hộ máy tính với sự tham gia tích cực của các đoàn viên.

- Các cá nhân và tập thể đã đạt được nhiều thành tích trong nhiệm kỳ 2017-2020, nhiều đoàn viên ưu tú đã được kết nạp Đảng.

*2.3.3. Công tác học viên, sinh viên*

- Ngay khi sau khi Viện được thành lập, công tác chính trị tư tưởng đối với học viên, sinh viên đã được chú trọng.

- Công tác đánh giá rèn luyện, xét học bổng của sinh viên, học viên được thực hiện đúng quy định đảm bảo công bằng và khách quan. Trợ lý QLSV thường xuyên nắm bắt tình hình học sinh, sinh viên ngoại trú và các hoạt động về giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho sinh viên được chú trọng.

- Kịp thời phối hợp với các địa phương làm tốt công tác học sinh, sinh viên ngoại trú, xử lý nghiêm, kịp thời sinh viên, học viên vi phạm nội quy, quy chế.

- Viện kịp thời hỗ trợ cho các sinh viên, học viên gặp hoàn cảnh khó khăn, ảnh hưởng của thiên tai, họa nạn, ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, …

- Công tác tư vấn, hỗ trợ sinh viên trong học tập và rèn luyện được quan tâm thông qua Trợ lý QLSV, CVHT, giáo viên chủ nhiệm lớp, … Hầu hết sinh viên, học viên của Viện có phản hồi tích cực qua các đợt khảo sát của Nhà trường về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm.

- Các hoạt động khai giảng, bế giảng cho sinh viên, học viên, tuyên dương sinh viên xuất sắc, sinh viên giỏi, đón tết cổ truyền Bunpimay, mừng ngày Quốc khánh cho lưu học sinh Lào được tổ chức trang trọng, tạo ấn tượng sâu sắc trong học sinh, sinh viên, học viên toàn Trường.

***2.4. Công tác tuyển sinh***

- Để nâng cao hiệu quả và chất lượng tuyển sinh, Ban lãnh đạo Viện đã thường xuyên quan tâm chỉ đạo công tác truyền thông, đưa các thông tin quảng bá tuyển sinh của Viện đến đối tượng học sinh và giáo viên THPT trong các địa bàn Nghệ An, Thanh Hoá và Hà Tĩnh.

- Nhiều hình thức quảng bá tuyển sinh đã được triển khai bao gồm viết bài giới thiệu Viện và ngành đào tạo trên subweb của Viện, thông qua mạng xã hội facebook; thông qua sinh viên đang học tập tại trường, các cựu sinh viên, giáo viên chủ nhiệm tại các trường THPT trên địa bàn các tỉnh Nghệ An, Thanh Hóa và Hà Tĩnh,...Trong giai đoạn 2017 - 2020, Viện đã xây dựng 01 video và thực hiện livestream quảng bá tuyển sinh giới thiệu về Viện và các ngành đào tạo của Viện; 01 quyển thông tin quảng bá về Viện được công bố rỗng rãi trên mạng xã hội và gửi đến đội ngũ giáo viên ở các trường THPT.

- Trong năm 2020 - 2021, Viện đã phân bổ và hỗ trợ kinh phí quảng bá tuyển sinh cho các ngành chủ động trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch quảng bá tuyển sinh riêng của ngành bên cạnh các hoạt động quảng bá tuyển sinh chung của Viện. Đối với các ngành khó tuyển sinh, đã được Viện hỗ trợ tìm kiếm các nguồn kinh phí hỗ trợ tư vấn tuyển sinh.

- Công tác tuyển sinh cho hệ vừa làm vừa học được quan tâm chú trọng, tuy vậy vẫn gặp không ít khó khăn, hiện nay Viện có 22 sinh viên hệ vừa làm vừa học ngành Kỹ thuật Điện tử Viễn thông.

- Công tác tuyển sinh hệ đào tạo sau đại học ngành Công nghệ thông tin được thực hiện tốt.

- Bên cạnh tuyển sinh trong nước, các thông tin quảng bá tuyển sinh của Viện đã được dịch ra tiếng Lào để quảng bá tuyển sinh ở một số tỉnh của nước bạn Lào có đông sinh viên sang học ở Trường Đại học Vinh, bên cạnh đó là phương thức quảng bá tuyển sinh bằng mạng xã hội thông qua mạng lưới cựu sinh viên Lào.

- Giai đoạn 2017-2020, Viện Kỹ thuật và Công nghệ tuyển sinh được 1641 sinh viên đại học, 154 học viên cao học.

***2.5. Công tác đào tạo***

*2.5.1. Đào tạo đại học*

- Công tác xây dựng và phát triển Chương trình đào tạo luôn được Viện chú trọng. Ban lãnh đạo Viện đã phân công 01 phó Viện trưởng phụ trách công tác đào tạo của Viện.

- Trong giai đoạn 2017-2020, Viện đang tổ chức đào tạo các ngành ở bậc đại học gồm: (1) Công nghệ thông tin; (2) Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông; (3) Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; (4) Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; (5) Công nghệ kỹ thuật Ôtô; (6) Kỹ thuật phần mềm; (7) Công nghệ kỹ thuật Nhiệt và (8) Công nghệ thông tin Hệ chất lượng cao.

- Từ năm 2017 đến nay, Viện đã mở được 03 ngành đào tạo bậc đại học gồm: ngành Công nghệ kỹ thuật Ôtô, ngành Công nghệ kỹ thuật Nhiệt (chuyên ngành Nhiệt Điện lạnh), ngành Kỹ thuật phần mềm. Ngoài ra, Viện đang trình Nhà trường phê duyệt đề án mở ngành Điện tử - Tin học. Bên cạnh đó, Viện đã mở 01 Hệ đào tạo Chất lượng cao của ngành Công nghệ thông tin và mở lại tuyển sinh ngành Khoa học máy tính từ năm học 2020-2021;

- Theo hướng dẫn số 03/HĐ-ĐHV về xây dựng chuẩn đầu ra đào tạo trình độ đại học, ban hàng ngày 19/04/2016, Viện đã chỉ đạo các ngành xây dựng chương trình đào tạo theo tiếp cận CDIO. Theo đó, từ năm 2017 các chương trình đào tạo của các ngành Công nghệ thông tin, Kỹ thuật điện tử - truyền thông, Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa và Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử được xây dựng theo hướng tiếp cận CDIO và đưa vào đào tạo cho sinh viên từ khóa 58;

- Thực hiện kết luận Số 147/TB-ĐHV ngày 23 tháng 08 năm 2018 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Vinh về chủ trương điều chỉnh thời gian đào tạo kỹ sư từ 5 năm xuống 4,5 năm, Viện đã chỉ đạo các ngành điều chỉnh chương trình đào tạo 5 năm từ khóa 58 đến khóa 60 xuống 4,5 năm cho các khóa đào tạo từ khóa 61;

- Thực hiện chỉ đạo của Trường trong việc rà soát CTĐT, hiện nay 07 ngành và 01 hệ đào tạo Chất lượng cao của Viện đang thực hiện các đề tài NCKH trọng điểm cấp Trường để tiếp tục cải tiến CTĐT theo tiếp cận CDIO nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu của xã hội.

- Công tác tổ chức và phân công giảng dạy được giao cho các bộ môn phụ trách. Nhìn chung các bộ môn đã phân công cán bộ giảng dạy đúng chuyên môn, công tác chuẩn bị bài giảng và giảng dạy được tổ chức nghiêm túc, đảm bảo đúng quy định của chuyên môn, đúng quy định của Nhà trường. Việc xây dựng, lưu trữ đề cương học phần, biên soạn bài giảng, giáo trình được thực hiện theo đúng quy định. Công tác rà soát, bổ sung và sử dụng Ngân hàng đề thi được thực hiện theo đúng quy định của Trường.

- Các giảng viên thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế, nề nếp, kỷ cương trong đào tạo. Viện không nhận được thông báo về vi phạm thực hiện nội quy, quy định trong giảng dạy của cán bộ từ Phòng thanh tra - pháp chế. Khối lượng giờ giảng dạy của CB trong Viện đang được đảm bảo.

- Kết quả khảo sát sinh viên về công tác giảng dạy của giảng viên được thực hiện bởi Phòng QLHS-SV sau mỗi học kỳ cho thấy phần lớn sinh viên hài lòng với nội dung, phương pháp giảng dạy và hình thức đánh giá của giảng viên.

- Để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, Viện đã giao cho các Bộ môn tổ chức thực hiện tốt các hoạt động trong Tháng rèn nghề và Hội thi sinh viên với việc rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp.

- Hằng năm Viện đã hoàn thành tốt kế hoạch đào tạo của Nhà trường bao gồm kế hoạch của từng học kỳ, kế hoạch bảo vệ đồ án và xét tốt nghiệp cho sinh viên năm cuối.

- Trong thời gian dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, thực hiện chỉ đạo của Nhà trường các hoạt động đào tạo trong viện được chuyển sang hình thức online một cách suôn sẻ, đáp ứng thời gian, kế hoạch đào tạo của Nhà trường

- Để đáp ứng nhu cầu xã hội, Viện thường xuyên tiến hành rà soát, cập nhật, và xây dựng các chương trình đào tạo hệ vừa học vừa làm cho một số ngành đào tạo có nhu cầu của người học như ngành Kỹ thuật Điện tử, Viễn thông và ngành Công nghệ thông tin. Về công tác đào tạo hệ vừa học vừa làm, Viện đã bố trí lịch dạy của hệ VHVL một cách hợp lý, khoa học, công tác tư vấn người học được triển khai kịp thời.

Nhìn chung, công tác đào tạo của Viện trong nhiệm kỳ 2017-2020 phù hợp với thực tế, đảm bảo nguyên tắc chuyên môn và liên tục được cải tiến để nâng dần chất lượng sinh viên tốt nghiệp.

- Về số liệu người học của Viện, năm 2017 có 1672 sinh viên, năm 2018 có 1754 sinh viên, năm 2019 có 1674 sinh viên, năm 2020 có 1842 sinh viên. Có 1035 sinh viên đã tốt nghiệp ra trường.

*2.5.2. Đào tạo sau đại học*

- Hiện nay Viện đang đào tạo 01 ngành Công nghệ thông tin ở bậc Sau đại học. Từ năm 2017 đến nay, công tác tuyển sinh ở bậc học này luôn có kết quả tốt, hằng năm đều tuyển sinh trên 25 học viên cho một khóa học;

- Sắp xếp công tác giảng dạy và phân công giảng viên hướng dẫn luận văn cho học viên phù hợp với chuyên môn, theo đúng quy chế đào tạo bậc thạc sĩ và các định của Trường;

- Hoàn thành tốt kế hoạch đạo tạo các khóa học theo đúng kế hoạch của trường bao gồm: kế hoạch giảng dạy, kế hoạch bảo vệ đề cương, kế hoạch bảo vệ luận văn và xét tốt nghiệp.

- Về số liệu người học sau đại học của Viện, năm 2017 có 38 học viên, năm 2018 có 59 học viên, năm 2019 có 24 học viên, năm 2020 có 33 học viện. Có 154 học viên cao học đã tốt nghiệp.

***2.6. Công tác thanh tra giáo dục và đảm bảo chất lượng***

- Công tác đảm bảo chất lượng giáo dục trong Viện được quan tâm. Ban lãnh đạo Viện đã phân công 01 Phó Viện trưởng phụ trách công tác đảm bảo chất lượng của Viện. Nhiều tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng các CTĐT được Viện áp dụng trong việc rà soát các tiêu chí, xây dựng các kế hoạch, chiến lược.

- Thực hiện nghiêm túc các kế hoạch kiểm tra nền nếp dạy học và các hoạt động trong Viện. Làm tốt công tác tổ chức thi kết thúc học phần cho các bậc học, loại hình đào tạo đúng quy định.

- Công tác khảo thí của Viện được tổ chức bài bản, đúng quy định của Nhà trường và không xảy ra các vấn đề phát sinh hoặc vi phạm kỷ luật trong công tác tổ chức thi.

- Viện đã ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển Viện Kỹ thuật và Công nghệ giai đoạn 2016-2020; kế hoạch chiến lược phát triển Viện Kỹ thuật và Công nghệ giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến 2030.

- Hoàn thành công tác tự đánh giá và kiểm định chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin đạt chuẩn theo AUN-QA. Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa đang trong quá trình chuẩn bị đánh giá.

***2.7. Công tác nghiên cứu khoa học, xuất bản và hợp tác quốc tế***

- Công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ được Đảng ủy bộ phận và Ban lãnh đạo Viên coi là một trong những nhiệm vụ trọng tâm.Cán bộ giảng viên, nghiên cứu sinh, học viên của Viện đã và đang chủ trì thực hiện 28 đề tài NCKH các cấp trong đó có 01 đề tài cấp nhà nước và 03 đề tài cấp Bộ. Các đề tài NCKH đều đã hoàn thành đúng tiến độ, đáp ứng tốt các yêu cầu đề ra, đóng góp lớn cho nhiệm vụ đào tạo đại học và bồi dưỡng đội ngũ giảng viên đặc biệt là các giảng viên trẻ;

- Công tác NCKH trong sinh viên cũng được quan tâm thích đáng và đạt được nhiều kết quả tốt. Trong giai đoạn 2017-2020, có 09 đề tài NCKH của sinh viên đã đạt giải thưởng sinh viên NCKH cấp trường;

- Công tác xây dựng bài giảng, giáo trình, tài liệu trong Viện được quan tâm thực hiện. Trong giai đoạn 2017-2020, có 07 giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo của giảng viên đã được xuất bản ở các nhà xuất bản trong và ngoài nước;

- Viện Kỹ thuật và Công nghệ tiếp tục duy trì các mối quan hệ đã thiết lập từ 03 đơn vị cũ và mở rộng mạng lưới hợp tác quốc tế với nhiều đơn vị trong và ngoài nước bao gồm Trường Đại học Uppsala (Thuỷ Điển), Trường Đại học Quốc Gia Chungbuck (Hàn Quốc), Viện UNIST (Hàn Quốc), Viện JAIST (Nhật Bản), Trường Đại học Formusa (Đài Loan), Viện Hàn Lâm Khoa học và Công nghệ (Ba Lan), …Đặc biệt, sau khi thành lập Viện đã ký được nhiều hợp tác quốc tế với các trường Đại học và các công ty, tập đoàn nước ngoài như KJOB (Hàn Quốc), OLC (Nhật Bản)... để mở các chương trình học tiếng Nhật, Hàn Quốc miễn phí cho sinh viên của Viện nhằm đáp ứng năng lực ngoại ngữ mở ra cơ hội cho sinh viên có cơ hội làm việc ở các công ty ở nước ngoài. Trong giai đoạn 2017-2020, Viện đã đón các giáo sư ở Thuỷ Điển, Ba Lan, Hàn Quốc đến thăm, làm việc và trao đổi giảng dạy và NCKH tại Viện.

***2.8. Công tác quản lý tài chính, cơ sở vật chất và công tác khác***

- Công tác quản lý tài sản của Viện được thực hiện theo quy định về Quản lý, khai thác và sử dụng tài sản của trường Đại học Vinh ban hành kèm Quyết định số 209/QĐ-ĐHV ngày 16/3/2017;

- Công tác quản lý tài chính được thực hiện tốt, nội dung thu, chi rõ ràng, minh bạch đúng theo quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường.

**3. Tồn tại, hạn chế**

**-** Việc triển khai thực hiện một số chủ trương, công việc của Nhà trường đôi lúc còn chưa đúng thời hạn, việc tham gia góp ý kiến của các tập thể và cá nhân cho các văn bản của Nhà trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo còn hạn chế.

- Viện chưa có kế hoạch phát triển từng giai đoạn cho các nhiệm vụ hoạt động cần đạt được với các chỉ số thực hiện cụ thể; chưa có các biện pháp giám sát, kiểm tra, đánh giá hiệu quả các nhiệm vụ đã phân công cho các tổ chức và các cá nhân.

- Chiến lược phát triển đội ngũ giảng viên có trình độ khoa học cao được xác định chưa đầy đủ, hiện tại đang mất cân bằng về độ tuổi và kinh nghiệm công tác, chưa đảm bảo có sự kế thừa tốt, chưa có các giải pháp tích cực và các chế tài đủ mạnh buộc giảng viên đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ phục vụ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế. Đội ngũ giảng viên của một số ngành mới còn thiếu và yếu, chưa đáp ứng được yêu cầu đào tạo.

- Quy trình xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo đã thực hiện đúng quy định, tuy nhiên, việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan như cựu sinh viên, các tổ chức, doanh nghiệp sử dụng lao động để điều chỉnh và bổ sung kịp thời chuẩn đầu ra cho việc phát triển chương trình chưa được thực hiện thường xuyên. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ sinh viên trong việc đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên nhằm cải tiến các hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá chưa được hoàn thiện.

- Chưa thay đổi mạnh mẽ phương pháp giảng dạy của giảng viên và phương pháp học tập của sinh viên để thích ứng với phương thức đào tạo dựa trên chuẩn đầu ra (outcome-based education). Một số tài liệu, giáo trình phục vụ cho đào tạo còn thiếu và có nội dung chưa cập nhật.

- Nguồn học liệu để bảo đảm đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của cán bộ, giảng viên và người học chưa đầy đủ; hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống phần mềm quản lý tổng thể nhà trường chưa đồng bộ; hệ thống cơ sở vật chất và trang thiết bị thực hành thí nghiệm chưa được sử dụng hiệu quả.

- Việc xây dựng lộ trình triển khai các hoạt động tự đánh giá cũng như kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo theo các bộ tiêu chuẩn quốc gia, khu vực và quốc tế còn chậm.

- Chưa có kế hoạch phát triển khoa học công nghệ ngắn hạn, trung hạn và dài hạn với các chỉ số thực hiện cụ thể như số các đề tài, dự án, bằng phát minh hay sự gia tăng số lượng và chất lượng các bài báo khoa học theo từng giai đoạn. Chưa có nhiều đề tài khoa học ứng dụng giải quyết các vấn đề thực tiễn sản xuất, phát triển kinh tế địa phương; chưa có sự cân bằng số các công trình nghiên cứu khoa học giữa các ngành và các giảng viên. Chưa xây dựng được nhiều nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh để làm cơ sở cho việc định hướng, phát triển nghiên cứu và chuyển giao công nghệ. Chưa có biện pháp tăng nguồn thu từ các hoạt động khoa học công nghệ nhằm góp phần tăng nguồn thu cho Viện. Chưa có giải pháp hiệu quả nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực ngoại ngữ cho giảng viên nhằm phát triển các hoạt động hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học.

- Năng lực nghiên cứu khoa học chưa đồng đều trong đội ngũ cán bộ giảng viên của Viện, tập trung vào một số ít cá nhân.

- Số lượng các công bố khoa học của Viện còn chưa đồng đều giữa các ngành; số lượng bài báo thuộc danh mục WOS còn ít, chỉ số ảnh hưởng của các công trình đã công bố chưa cao; chưa có các các hoạt động ứng dụng và chuyển giao KHCN trong giải quyết các vấn đề thực tiễn của địa phương.

- Chưa mở rộng rộng được quan hệ hợp tác với mạng lưới cựu sinh viên, tổ chức và các doanh nghiệp sử dụng lao động để thường xuyên lấy ý kiến đầy đủ cho việc cải tiến các chương trình đào tạo cũng như hỗ trợ người học tìm kiếm việc làm, thông tin về người học tốt nghiệp trên trang tin điện tử của Viện chưa được thực hiện đầy đủ.

- Sự tham gia của cán bộ, giảng viên trong các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt và tìm kiếm cho người học chưa nhiều; nội dung và hình thức giáo dục, tuyên truyền, xây dựng lối sống lành mạnh, lồng ghép giáo dục đạo đức và pháp luật cho người học trong các hoạt động của Viện chưa hiệu quả;

- Công tác dự giờ của giảng viên chưa thực sự hiệu quả để nâng cao chất lượng bài giảng.

- Số lượng sinh viên tốt nghiệp không đúng thời hạn, hoặc bị xóa tên, hoặc tự thôi học đang còn nhiều.

**-** Công tác tuyển sinh đại học mặc dù đã được nhiều kết quả tốt những số lương tuyển sinh chưa đồng đều giữa các ngành, một số ngành tuyển sinh còn chưa đạt yêu cầu về cả số lượng và chất lượng.

**4. Nguyên nhân**

*4.1. Nguyên nhân của kết quả đạt được*

- Viện đã nhận được nhiều sự quan tâm chỉ đạo từ Đảng ủy, Ban giám hiệu Nhà trường cũng như sự hợp tác và hỗ trợ tích cực từ các đơn vị khác trong trường.

- Sự đoàn kết, nỗ lực của tập thể cán bộ quản lý và các tổ chức đoàn thể và toàn thể viên chức của Viện trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị được giao.

- Ban lãnh đạo Viện luôn chỉ đạo sát sao các bộ môn về thực hiện các nhiệm vụ và các kế hoạch của Viện và Trường.

- Đội ngũ cán bộ, giảng viên của Viện nhiệt tình trong công tác, có ý thức học tập, rèn luyện và phấn đấu để hoàn thành nhiệm vụ.

*4.2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế*

­- Áp lực trong công việc đối với đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên của Viện ngày càng cao.

- Viện là đơn vị đào tạo có quy mô lớn, hiện nay với 09 ngành đào tạo đại học, 1 chuyên ngành đào tạo thạc sĩ.

- Chưa có biện pháp hiệu quả để động viên sinh viên học tập, rèn luyện và đây là một nguyên nhân dẫn đến nhiều sinh viên tốt nghiệp không đúng thời hạn, hoặc bị xóa tên, hoặc tự thôi học.

- Nhìn chung chất lượng tuyển sinh đầu vào thấp, do vậy rất nhiều sinh viên có ý thức học tập kém. Ngoài ra, nhiều sinh viên có hoàn cảnh khó khăn nên ngoài thời gian học tập ở trường còn phải đi làm thêm để trang trãi cuộc sống; đây cũng là những nguyên nhân dẫn đến sinh viên tốt nghiệp không đúng thời hạn, hoặc bị xóa tên, hoặc tự thôi học.

- Đặc thù các ngành đào tạo của Viện là các ngành kỹ thuật, do đó để giảng dạy tốt, ngoài kiến thức lý thuyết giảng viên cần phải có trãi nghiệm thực tế. Tuy nhiên, hiện nay hầu hết giảng viên không được tạo các cơ hội và các hỗ trợ từ Nhà trường để trải nghiệm thực tế nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

- Nhu cầu của xã hội đối với một số ngành bắt đầu giảm và có sự cạnh tranh cũng như yêu cầu chất lượng đào tạo ngày càng cao. Các ngành kỹ thuật và công nghệ gần nhau được mở càng làm giảm số lượng người học một cách đáng kể.

­- Năng lực nghiên cứu trong giải quyết các vấn đề liên ngành, gắn với thực tiễn địa phương của giảng viên còn hạn chế.

**5. Bài học kinh nghiệm**

- Bám sát các Nghị quyết của Đảng uỷ và kế hoạch, chương trình công tác của Nhà trường trong xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch công tác của Viện.

- Luôn giữ vững sự ổn định về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Xây dựng khối đoàn kết, thống nhất trong tập thể cán bộ quản lý và toàn Viện, phát huy truyền thống và sức mạnh của tập thể trong tổ chức và thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Viện.

- Lấy chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học làm tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc và phát huy thế mạnh và tiềm năng của mỗi giảng viên.

- Nâng cao chất lượng sinh viên tốt nghiệp là yếu tố cốt lõi để các ngành đào tạo luôn tồn tại và phát triển. Để làm được điều này các ngành cần phải nâng cao chất lượng xây dựng và phát triển chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội và nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên.

- Nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học làm tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc từng giảng viên.

**PHẦN THỨ HAI**

**Định hướng nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ 2020 - 2025**

**1. Dự báo khái quát tình hình**

Giai đoạn 2020-2025, giáo dục đại học Việt Nam tiếp tục có nhiều chuyển biến, tạo thời cơ thuận lợi cho các cơ sở giáo dục đại học uy tín phát triển nhưng cũng đặt ra nhiều thách thức với việc bắt đầu thực hiện tự chủ đại học theo Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học (Luật số 34/2018/QH14). Việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo theo Nghị quyết số 29 của BCH TƯ Đảng khóa XI đã và đang được thực hiện, trong đó chú trọng đổi mới chương trình, phương pháp giảng dạy, đổi mới quản lý giáo dục.

Hội nhập quốc tế về giáo dục và đào tạo đang diễn ra ngày càng sâu rộng trên quy mô toàn cầu. Sự thay đổi đáng kể trong giáo dục đại học trước cuộc cách mạng công nghệ 4.0 đòi hỏi tư duy mới trước những thay đổi nhanh chóng của công nghệ, đặc biệt là công nghệ số. Giáo dục đại học bước đầu triển khai tự chủ nên gặp không ít khó khăn do sự chồng chéo giữa các văn bản qui phạm pháp luật và để tìm cách làm mới, phù hợp sẽ phải đối mặt với nhiều vấn đề đặt ra. Trong đó, đổi mới phương thức quản lý, đổi mới phương pháp tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá đòi hỏi cán bộ giảng viên phải thích ứng để đào tạo ra nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu xã hội.

Bên cạnh đó, tình hịch dịch bệnh Covid-19 đòi hỏi tính thích ứng với những biến động khó lường của dịch bệnh, trong khi phải tổ chức dạy và học đáp ứng yêu cầu chất lượng. Ngoài ra, vấn đề cạnh tranh trong giáo dục đại học ngày càng khốc liệt, đòi hỏi nâng cao chất lượng đào tạo, đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội là tất yếu. Trường đại học Vinh tiếp tục thực hiện mục tiêu xây dựng và phát triển thành Đại học Vinh, có các trường trực thuộc, trong đó có Trường Đại học Kỹ thuật và Công nghệ.

**2. Định hướng nhiệm vụ trọng tâm**

***2.1. Lĩnh vực đào tạo***

*2.1.1. Mục tiêu tổng quát*

Đến năm 2025, chất lượng đào tạo đại học và sau đại học của Viện Kỹ thuật và Công nghệ đạt chuẩn mực quốc tế đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao, phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế.

*2.1.2. Các mục tiêu cụ thể và giải pháp*

1) Mục tiêu 1: Đa dạng hóa ngành nghề đào tạo và nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh.

Giải pháp:

a) Định kỳ khảo sát nhu cầu của thị trường lao động để mở ngành đào tạo mới đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế;

b) Xây dựng kế hoạch, chính sách truyền thông tuyển sinh hiệu quả;

c) Mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động mạng lưới cựu sinh viên để quảng bá hình ảnh của Viện và phục vụ công tác tuyển sinh;

d) Tăng cường kết nối với doanh nghiệp để mở rộng nguồn tuyển sinh theo nhu cầu xã hội, chú trọng các vùng kinh tế - xã hội trọng điểm;

e) Tăng cơ hội có việc làm cho sinh viên thông qua các chương trình hợp tác với các doanh nghiệp, giới thiệu việc làm, thực tập sinh và xuất khẩu lao động để thu hút tuyển sinh.

2) Mục tiêu 2: Cải tiến chất lượng chương trình và phương thức đào tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục - đào tạo và hội nhập quốc tế.

Giải pháp:

a) Tiếp tục phát triển chương trình đào tạo tiếp cận CDIO cho các ngành đào tạo bậc đại học;

b) Phát triển chương trình đào tạo linh hoạt, tăng tính liên thông giữa các ngành đào tạo để người học có thể học đồng thời 2 chương trình và người đã tốt nghiệp học văn bằng thứ 2 nhằm tăng cơ hội việc làm cho người học;

c) Phát triển chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng ứng dụng để đáp ứng nhu cầu xã hội;

d) Định kỳ thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chương trình đào tạo và hoạt động đào tạo để rà soát, điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các môn học để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan;

e) Phát triển chương trình đào tạo chất lượng cao, chú trọng phát triển kỹ năng làm việc trong môi trường có yếu tố nước ngoài; xây dựng chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn và đủ điều kiện để kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo các chuẩn quốc tế như AUN-QA và ABET;

f) Xây dựng các chương trình đào tạo có thể chuyển đổi tín chỉ với các trường đại học trong và ngoài nước.

3) Mục tiêu 3: Giảng dạy và học tập đảm bảo phát triển năng lực người học đáp ứng yêu cầu của xã hội.

Giải pháp:

a) Tổ chức các hoạt động dạy học phù hợp với phương thức đào tạo tiếp cận CDIO và triết lý giáo dục học trải nghiệm đáp ứng chuẩn đầu ra;

b) Phân công nhiệm vụ của giảng viên dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm;

c) Tăng cường seminar trao đổi kinh nghiệm cải tiến hoạt động dạy học theo định hướng lấy người học làm trung tâm và đáp ứng chuẩn đầu ra;

d) Tạo điều kiện cho cán bộ giao lưu, trao đổi học thuật, chia sẻ tài nguyên học liệu và kinh nghiệm dạy học, nghiên cứu; rèn luyện tính tự tin, kỹ năng làm việc nhóm và năng lực sử dụng ngoại ngữ;

e) Mời chuyên gia trong và ngoài nước có kinh nghiệm tập huấn cho cán bộ về phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá để nâng cao năng lực cán bộ và cập nhật phương pháp giảng dạy;

f) Tăng cường liên kết với các doanh nghiệp tuyển dụng lao động để gắn quá trình đào tạo với thế giới việc làm;

g) Nâng cao năng lực nghiên cứu, tự học, tự bồi dưỡng về phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá cho giảng viên;

h) Tăng cường rèn luyện cho người học phương pháp học tập chủ động, học trải nghiệm, học theo đồ án,…;

i) Tăng cường rèn luyện kỹ năng mềm, phát triển các năng lực tự học, tự nghiên cứu, năng lực làm việc nhóm, giao tiếp, tư duy phản biện và tự học suốt đời,... cho người học;

4) Mục tiêu 4: Hoạt động kiểm tra, đánh giá năng lực người học đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và đạt được chuẩn đầu ra.

Giải pháp:

a) Định kỳ rà soát, bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản và công cụ hỗ trợ hoạt động kiểm tra đánh giá phù hợp với phương thức đào tạo phát triển năng lực người học;

b) Định kỳ rà soát, cải tiến nội dung, hình thức và phương pháp đánh giá kết quả học tập theo hướng đánh giá năng lực của người học, đảm bảo tính đa dạng, độ giá trị, độ tin cậy, khách quan và công bằng;

c) Định kỳ rà soát, bổ sung và hoàn thiện hệ thống ngân hàng đề thi đảm bảo chất lượng đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo;

d) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm tra đánh giá để đảm bảo tính công bằng, khách quan;

e) Thường xuyên thu thập thông tin phản hồi về kết quả đánh giá người học để rà soát, điều chỉnh hoạt động kiểm tra đánh giá nhằm đảm bảo sự phù hợp giữa giảng dạy, kiểm tra đánh giá và mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra;

5) Mục tiêu 5: Hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học đạt hiệu quả đồng bộ với mục tiêu đào tạo.

Giải pháp:

a) Tăng cường và cải tiến các hoạt động phục vụ, hỗ trợ học tập và nghiên cứu để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của người học;

b) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người học, xây dựng và khai thác có hiệu quả hệ thống quản trị học tập (LMS);

c) Tăng cường xuất bản giáo trình, biên soạn, biên dịch nguồn học liệu và phát triển nguồn học liệu mở;

d) Đầu tư và bổ sung trang thiết bị thực hành thí nghiệm phục vụ dạy học tiếp cận CDIO;

e) Đề xuất Nhà trường xây dựng và hoàn thiện không gian học tập linh hoạt phục vụ nhu cầu học tập, nghiên cứu cho người học;

f) Định kỳ lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để rà soát, cải tiến hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học; cải tiến hệ thống giám sát người học dựa trên chức năng nhiệm vụ của Viện.

6) Mục tiêu 6: Tăng tỷ lệ người học tốt nghiệp đúng hạn và có việc làm sau khi ra trường.

Giải pháp:

a) Thực hiện hiệu quả công tác tư vấn học tập cho người học trong việc lập kế hoạch học tập, lựa chọn môn học và triển khai kế hoạch học tập phù hợp để tăng tỷ lệ người học tốt nghiệp đúng hạn và có kết quả tốt nghiệp cao;

b) Tăng cường chất lượng phục vụ người học, từ đó nâng cao chất lượng đào tạo để tăng tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn;

c) Nâng cao năng lực tiếng Anh và Công nghệ thông tin cho người học để đáp ứng nhu cầu thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp 4.0;

d) Xây dựng hệ thống cung cấp thông tin về thị trường lao động theo địa phương, vùng, ngành để giới thiệu việc làm cho người học;

e) Thiết lập mạng lưới kết nối cựu sinh viên để thu thập thông tin và giới thiệu việc làm cho sinh viên;

f) Tăng cường liên kết với các doanh nghiệp và tổ chức nước ngoài để mở rộng mạng lưới thực tập sinh và tạo cơ hội việc làm cho người học.

***2.2. Lĩnh vực khoa học và công nghệ***

*2.2.1. Mục tiêu tổng quát*

Phát triển Khoa học kỹ thuật và công nghệ nhằm nâng cao vị thế và thương hiệu của Viện Kỹ thuật và Công nghệ, Trường Đại học Vinh. Đến năm 2030, Viện có một số lĩnh vực nghiên cứu đạt trình độ hiện đại so với khu vực.

*2.2. Các mục tiêu cụ thể và giải pháp*

1) Mục tiêu 1: Hoạt động khoa học công nghệ đóng vai trò then chốt trong việc nâng cao chất lượng đào tạo đại học và sau đại học.

Giải pháp:

a) Tăng cường nhận thức của giảng viên về tầm quan trọng của nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế trong việc nâng cao chất lượng đào tạo;

b) Nâng cao phương pháp luận nghiên cứu khoa học của giảng viên theo chuẩn mực quốc tế thông qua các hoạt động trao đổi học thuật;

c) Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học trong sinh viên, gắn kết hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên với sinh viên;

d) Tổ chức và chủ trì các hội nghị, hội thảo khoa học; xây dựng cơ chế hỗ trợ các nhà khoa học, cán bộ và giảng viên tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học ở trong nước và trong khu vực ASEAN.

2) Mục tiêu 2: Tăng số lượng công bố trên các tạp chí thuộc danh mục ISI/Scopus bình quân 20%/năm.

Giải pháp:

a) Xây dựng chính sách hỗ trợ hợp lý cho các cá nhân và các nhóm nghiên cứu có công bố quốc tế thông qua xét chọn và giao các nhiệm vụ khoa học và công nghệ để triển khai;

b) Nâng cao năng lực nghiên cứu và công bố quốc tế của giảng viên thông qua các hoạt động trao đổi học thuật, tham gia các hội nghị - hội thảo khoa học có sự tham gia của các nhà khoa học nước ngoài có uy tín;

c) Tăng cường hợp tác nghiên cứu với các nhà khoa học trong nước và quốc tế uy tín để gia tăng số lượng và chất lượng các công trình công bố quốc tế trên các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín thuộc danh mục ISI/Scopus;

d) Khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho giảng viên triển khai các nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với các đối tác nước ngoài;

e) Rà soát, quy hoạch, sắp xếp và bổ sung hệ thống phòng thí nghiệm, cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu chuyên sâu theo định hướng tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các nhóm nghiên cứu, các nhà khoa học nhằm sử dụng hiệu quả trang thiết bị, cơ sở vật chất đã được đầu tư;

3) Mục tiêu 3: Xây dựng và phát triển 3 - 5 nhóm nghiên cứu liên ngành khoa học kỹ thuật định hướng mục tiêu đến năm 2025 đạt trình độ và kết quả nghiên cứu tầm khu vực và quốc tế.

Giải pháp:

a) Thành lập các nhóm nghiên cứu liên ngành của các ngành Công nghệ thông tin, Tự động hóa, Điện tử viễn thông, Kỹ thuật điện điện tử, Công nghệ kỹ thuật ôtô nhằm giải quyết các vấn đề kỹ thuật và công nghệ có yêu cầu tính liên ngành;

b) Xây dựng chính sách hỗ trợ với những cam kết mạnh mẽ về hỗ trợ tài chính và ưu tiên xét duyệt đề tài, dự án cho các nhóm nghiên cứu có sản phẩm nghiên cứu là bài báo đăng trên tạp chí thuộc danh mục ISI/Scopus;

c) Tranh thủ tối đa sự ủng hộ, giúp đỡ của các nhà khoa học trong và ngoài nước để xây dựng và phát triển các nhóm nghiên cứu, các hướng nghiên cứu mới phù hợp với xu thế phát triển khoa học và công nghệ của thế giới, đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0;

4) Mục tiêu 4: Ưu tiên đầu tư một số hướng phát triển công nghệ, một số loại hình dịch vụ khoa học và công nghệ phù hợp nhằm tạo ra các sản phẩm mang thương hiệu Viện Kỹ thuật và Công nghệ, Trường Đại học Vinh.

Giải pháp:

a) Căn cứ tiềm lực thực tế, các điều kiện khách quan và chủ quan để lựa chọn một số hướng nghiên cứu triển khai ứng dụng phù hợp với yêu cầu phát triển của xã hội, xây dựng kế hoạch đầu tư nguồn lực phát triển;

b) Thành lập một số tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ hoạt động theo cơ chế tự chủ dưới sự bảo trợ pháp lý và hỗ trợ của Trường Đại học Vinh;

c) Xây dựng một số phòng thí nghiệm đạt chuẩn quy định để thực hiện hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ;

d) Tăng cường sự hiện diện, ảnh hưởng của Viện ở địa bàn các tỉnh khu vực Bắc Trung Bộ thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

***2.3. Lĩnh vực tổ chức - nhân sự***

*2.3.1. Mục tiêu tổng quát*

Hoàn thiện cơ cấu tổ chức và cơ chế quản lý, xây dựng đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý đủ về số lượng, đạt chuẩn về chất lượng, đồng bộ về cơ cấu.

*2.3.2. Các mục tiêu cụ thể và giải pháp*

1) Mục tiêu 1: Hoàn thiện cơ cấu tổ chức và cơ chế quản lý phù hợp với xu thế phát triển của quốc gia và quốc tế.

Giải pháp:

a) Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, xây dựng chức năng nhiệm vụ, quy chế hoạt động, quy trình giải quyết công việc, nguyên tắc phối kết hợp giữa bộ máy quản lý và các bộ môn để tạo sự năng động, đồng bộ và hiệu quả trong điều hành, quản lý Viện;

b) Hoàn thiện cơ cấu Viện để có mô hình cơ cấu hợp lý, tinh gọn, linh hoạt nhằm sử dụng hiệu quả các nguồn nhân lực và cơ sở vật chất;

c) Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành tất các hoạt động của Viện.

2) Mục tiêu 2: Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý đáp ứng các tiêu chuẩn quốc gia.

Giải pháp:

a) Xây dựng quy chế tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ giảng viên đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng;

b) Định kỳ xây dựng và rà soát quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý công khai, minh bạch và đáp ứng ngày càng cao tiêu chuẩn cán bộ quản lý...;

c) Xây dựng đề án đào tạo bồi dưỡng cán bộ, trong đó có quy hoạch và kế hoạch đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn và dài hạn về lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học, năng lực quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên;

d) Đẩy mạnh dân chủ, thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên bao gồm chế độ chính sách theo quy định, chế độ khen thưởng, ghi nhận và kế hoạch bồi dưỡng;

e) Xây dựng chính sách tạo nguồn, thu hút nhân tài để tuyển dụng được những người có trình độ chuyên môn giỏi về công tác tại Viện.

***2.4. Lĩnh vực đảm bảo chất lượng***

*2.4.1. Mục tiêu tổng quát*

Nâng cao hiệu quả của hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ theo chu trình PDCA, tăng cường kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế, xây dựng văn hóa chất lượng dựa trên giá trị cốt lõi của Trường Đại học Vinh.

*2.4.2. Các mục tiêu cụ thể và giải pháp*

1) Mục tiêu 1: Nâng cao hiệu quả của hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ theo chu trình PDCA.

Giải pháp:

a) Xây dựng và ban hành hệ thống các văn bản quy định đảm bảo chất lượng nội bộ theo chu trình PDCA;

b) Định kỳ rà soát và cập nhật kế hoạch đảm bảo chất lượng, củng cố hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ, xây dựng hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng;

c) Định kỳ cập nhật sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu và điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ có tham khảo ý kiến của các bên liên quan gồm cán bộ, giảng viên, sinh viên, học viên, cựu sinh viên, cựu học viên và nhà tuyển dụng;

d) Bồi dưỡng nâng cao năng lực và chuyên nghiệp hóa cho đội ngũ cán bộ, chuyên viên làm công tác đảm bảo chất lượng nội bộ;

e) Tăng cường hoạt động quản lý, giám sát, kiểm tra việc thực hiện chức năng nhiệm vụ của các tổ chức và các bộ môn.

2) Mục tiêu 2: Tăng cường công tác kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế.

Giải pháp:

a) Định kỳ tự đánh giá chương trình đào tạo và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đến hết năm 2022 có ít nhất 30%, đến hết năm 2025 có 50% và đến hết năm 2030 có ít nhất 80% các chương trình đào tạo của Viện được kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn của đánh giá chất lượng chương trình đào tạo quốc gia;

b) Lựa chọn chương trình đào tạo, xây dựng hồ sơ đánh giá và đăng ký kiểm định chất lượng của Mạng lưới các trường đại học ASEAN. Đến năm 2022 có 20% các chương trình đào tạo được kiểm định theo tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của AUN.

3) Mục tiêu 3: Xây dựng văn hóa chất lượng dựa trên giá trị cốt lõi của Trường Đại học Vinh.

Giải pháp:

a) Khảo sát ý kiến các bên liên quan, xử lý thông tin phản hồi làm phục vụ việc cải tiến chất lượng và công tác kiểm định chất lượng;

b) Xây dựng hệ thống quản lý thông tin và số hóa các văn bản, tài liệu để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng.

***2.5. Lĩnh vực hợp tác quốc tế***

*2.5.1. Mục tiêu tổng quát*

Hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng giáo dục theo hướng hiện đại, tiếp cận nền giáo dục tiên tiến trong khu vực ASEAN; tạo điều kiện đào tạo nguồn nhân lực có trình độ và chất lượng cao cho đất nước và các nước trong khu vực.

*2.5.2. Các mục tiêu cụ thể và giải pháp*

1) Mục tiêu 1: Hoạt động hợp tác quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập góp phần nâng cao chất lượng giáo dục theo hướng hiện đại.

Giải pháp:

a) Hợp tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, tổ chức và tham gia hội nghị, hội thảo khoa học;

b) Hợp tác trao đổi cán bộ, giảng viên và người học;

c) Triển khai các chương trình liên kết đào tạo, trao đổi thông tin phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và công nghệ;

d) Tham gia các tổ chức giáo dục, khoa học, hội nghề nghiệp khu vực và quốc tế;

e) Khen thưởng và vinh danh các cán bộ quản lý, giảng viên và người học có kết quả xuất sắc về hợp tác quốc tế;

f) Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình, dự án do các tổ chức nước ngoài tài trợ.

2) Mục tiêu 2: Đẩy mạnh hoạt động đào tạo lưu học sinh.

Giải pháp:

a) Xây dựng và triển khai kế hoạch quảng bá tuyển sinh phù hợp đối tượng người học nhằm tăng số lượng lưu học sinh học tập tại Viện;

b) Tổ chức hoạt động đào tạo phù hợp đối tượng lưu học sinh;

c) Đa dạng hóa các hình thức hỗ trợ lưu học sinh trong học tập và sinh hoạt;

d) Xây dựng mạng lưới cựu lưu học sinh.

**3. Những kiến nghị, đề xuất**

- Đề nghị Nhà trường tăng kinh phí thừa giờ (5 năm trở lại đây học phí luôn tăng nhưng kinh phí thừa giờ không thay đổi);

- Giảng dạy các lớp CLC đòi hòi giảng viên phải có nhiều tâm huyết và phải tương tác nhiều với học sinh, đề nghị nhà trường tăng hệ số giảng dạy cho các lớp CLC;

- Nên có cơ chế phù hợp với thực tiễn để thu hút được các sinh viên học giỏi vào ngành CNTT Chất lượng cao;

- Tiếp tục đổi mới chương trình đào tạo đáp ứng được thị trường lao động;

- Tạo cơ chế tài chính hợp lý hơn trong hoạt động quảng bá tuyển sinh. Hỗ trợ kinh phí cho Viện để chủ động trong tác quảng bá tuyển sinh;

- Tạo điều kiện và cơ chế để Viện chủ động trong việc thu hút giảng viên có trình độ cao;

- Đầu tư, mua sắm trang thiết bị phục vụ đào tạo trong thời ký CMCN 4.0 và đổi mới chương trình đào tạo; đề nghị nhà trường khảo sát, sửa chữa, bổ sung kịp thời trang thiết bị thí nghiệm và vật tư tiêu hao hằng năm cho các phòng thí nghiệm để phục vụ tốt công tác đào tạo; đề xuất bổ sung hoàn thiện các thiết bị phục vụ cho công tác thực hành thí nghiệm đã được quy hoạch cho các phòng thực hành, thí nghiệm; cải thiện chất lượng máy tính ở các phòng thực hành; bổ sung 02 máy chủ phục vụ công tác giảng dạy các học phần chuyên ngành, thực tập và đồ án. Nhà trường nên đầu tư mua sắm một xe ô tô điện cho Xưởng thực hành ô tô để định hướng đào tạo và nghiên cứu khoa học trong thời gian tới phù hợp với xu thế và nhu cầu xã hội (chẳng hạn xe điện Vinfast FE34 với giá 590 triệu đồng);

- Viện và Trường cần quan tâm hơn đến những cán bộ trẻ, tạo điều kiện làm việc, chỗ ở và có những chính sách phù hợp để cán bộ trẻ ngành ô tô yên tâm công tác lâu dài. Nâng cao thu nhập và đời sống cho cán bộ nhất là cán bộ trẻ; bổ sung cán bộ, nhất là cán bộ trẻ để đáp ứng yêu cầu công tác đào tạo. Hỗ trợ các cán bộ trẻ trong việc tiếp cận và thực hiện nghiên cứu khoa học.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ để bộ môn có một đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ tốt cho công tác đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ trong chiến lược phát triển của nhà trường, xây dựng trường đại học vinh thành trường đại học trọng điểm ở khu vực Bắc miền Trung. Nhà trường cần tạo điều kiện thuận lợi để Bộ môn tuyển đủ giảng viên nhằm vận hành hiệu quả hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Hiệu trưởng Nhà trường,  - Đảng ủy Trường,  - Cấp uỷ, lãnh đạo đơn vị,  - Lưu hồ sơ cá nhân. | **VIỆN TRƯỞNG**  **TS. Đặng Thái Sơn** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **Viện Kỹ thuật và Công nghệ** |  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Nghệ An, ngày 14 tháng 7 năm 2021* |

**PHỤ LỤC BÁO CÁO**

**Tổng kết nhiệm kỳ Viện trưởng 2017 - 2020**

**Bảng 1: Bảng thống kê về công tác cán bộ hằng năm**

*Đơn vị tính: lượt người*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Các lĩnh vực**  **của công tác cán bộ** | **Năm thống kê** | | | |
| **2017** | **2018** | **2019** | **2020** |
|  | Tuyển dụng mới | 0 | 0 | 0 | 3 |
|  | Điều động, luân chuyển | 2 | 1 | 6 | 0 |
|  | Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại | 1 | 3 | 3 | 0 |
|  | Chuyển công tác | 0 | 0 | 1 | 0 |
|  | Nghỉ hưu | 0 | 0 | 0 | 1 |

*Ghi chú:* Số liệu thống kê vào tháng 12 hằng năm

**Bảng 2: Bảng thống kê số lượng viên chức và người lao động**

*Đơn vị tính: lượt người*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số lượng cán bộ, viên chức** | **Năm thống kê** | | | |
| **2017** | **2018** | **2019** | **2020** |
|  | Tổng số cán bộ, viên chức | 45 | 46 | 44 | 47 |
|  | Giáo sư, Phó Giáo sư | 2 | 2 | 3 | 3 |
|  | Tiến sĩ | 12 | 12 | 15 | 13 |
|  | Thạc sĩ | 28 | 29 | 25 | 28 |
|  | Cán bộ giảng dạy | 41 | 41 | 40 | 44 |
|  | Cán bộ hành chính | 3 | 4 | 3 | 3 |
|  | Cán bộ nữ | 10 | 11 | 10 | 10 |
|  | Cán bộ nam | 35 | 35 | 34 | 37 |

**Bảng 3: Bảng thống kê về số lượng người học**

*Đơn vị tính: lượt người*

| **TT** | **Số lượng đào tạo** | **Năm thống kê** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **2017** | **2018** | **2019** | **2020** |
|  | Sinh viên hệ chính quy | 1672 | 1754 | 1674 | 1842 |
|  | Sinh viên hệ vừa làm vừa học | 0 | 0 | 22 | 22 |
|  | Sinh viên hệ đào tạo từ xa | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 1. \ | Học viên cao học | 38 | 59 | 24 | 33 |
|  | Nghiên cứu sinh | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Tổng cộng** | | **1710** | **1813** | **1720** | **1897** |

**Bảng 4: Bảng thống kê về số lượng tuyển sinh**

*Đơn vị tính: lượt người*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số lượng tuyển sinh** | **Năm thống kê** | | | |
| **2017** | **2018** | **2019** | **2020** |
|  | Sinh viên hệ chính quy | 382 | 401 | 460 | 584 |
|  | Sinh viên hệ vừa làm vừa học | 0 | 0 | 22 | 0 |
|  | Sinh viên hệ đào tạo từ xa | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | Học viên cao học | 59 | 24 | 33 | 4 |
|  | Nghiên cứu sinh | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Tổng cộng** | | **441** | **425** | **493** | **488** |

**Bảng 5: Bảng so sánh về số ngành, chuyên ngành đào tạo**

*Đơn vị tính: môn, ngành, chuyên ngành*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Số ngành, chuyên ngành đào tạo** | **2017-2020** |
|  | Số ngành đào tạo đại học hệ chính quy | 09 |
|  | Số chuyên ngành đào tạo thạc sĩ | 01 |
|  | Số chuyên ngành đào tạo tiến sĩ | 0 |

**Bảng 6: So sánh số lượng người học tốt nghiệp**

*Đơn vị tính: lượt người*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Số lượng người học tốt nghiệp** | **2017-2020** |
|  | Sinh viên hệ chính quy | 1035 |
|  | Sinh viên hệ vừa làm vừa học | 0 |
|  | Sinh viên hệ đào tạo từ xa | 0 |
|  | Học viên cao học | 154 |
|  | Nghiên cứu sinh | 0 |

**Bảng 7.1: Bảng thống kê hoạt động nghiên cứu khoa học hằng năm**

| **TT** | **Hoạt động nghiên cứu khoa học** | **Năm thống kê** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **2017** | **2018** | **2019** | **2020** |
| **1** | **Đề tài nghiên cứu khoa học** | **6** | **7** | **7** | **8** |
| 1.1 | Bộ môn Điện tử - Viễn thông | 1 | 1 | 0 | 3 |
| 1.2 | Bộ môn Điều khiển tự động | 1 | 1 | 4 | 1 |
| 1.3 | Bộ môn Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 1 | 1 | 1 | 4 |
| 1.4 | Bộ môn Công nghệ kỹ thuật ôtô |  |  | 0 | 0 |
| 1.5 | Bộ môn Hệ thống và Mạng máy tính | 3 | 2 | 1 | 0 |
| 1.6 | Bộ môn Khoa học máy tính và CNPM | 0 | 2 | 1 | 0 |
| **2** | **Bài báo khoa học được công bố** | **19** | **17** | **33** | **36** |
| 2 | *- Các bài báo trong nước* | ***10*** | ***12*** | ***17*** | **19** |
| 1.1 | Bộ môn Điện tử - Viễn thông | 1 | 1 | 1 | 1 |
| 1.2 | Bộ môn Điều khiển tự động | 1 | 1 | 1 | 1 |
| 1.3 | Bộ môn Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 6 | 7 | 9 | 10 |
| 1.4 | Bộ môn Công nghệ kỹ thuật ôtô |  |  | 1 | 2 |
| 1.5 | Bộ môn Hệ thống và Mạng máy tính | 1 | 1 | 3 | 3 |
| 1.6 | Bộ môn Khoa học máy tính và CNPM | 1 | 2 | 2 | 2 |
|  | *- Các bài báo trên các tạp chí quốc tế* | ***3*** | ***1*** | ***4*** | ***7*** |
| 1.1 | Bộ môn Điện tử - Viễn thông | 1 | 1 | 0 | 0 |
| 1.2 | Bộ môn Điều khiển tự động | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 1.3 | Bộ môn Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 0 | 0 | 3 | 4 |
| 1.4 | Bộ môn Công nghệ kỹ thuật ôtô |  |  | 1 | 1 |
| 1.5 | Bộ môn Hệ thống và Mạng máy tính | 1 | 0 | 0 | 1 |
| 1.6 | Bộ môn Khoa học máy tính và CNPM | 1 | 0 | 0 | 1 |
|  | *- Các bài báo trên các tạp chí thuộc danh mục WoS và Scopus* | ***6*** | ***4*** | ***12*** | ***10*** |
| 1.1 | Bộ môn Điện tử - Viễn thông | 3 | 4 | 8 | 4 |
| 1.2 | Bộ môn Điều khiển tự động | 1 | 0 | 0 | 0 |
| 1.3 | Bộ môn Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 0 | 0 | 3 | 4 |
| 1.4 | Bộ môn Công nghệ kỹ thuật ôtô |  |  | 0 | 0 |
| 1.5 | Bộ môn Hệ thống và Mạng máy tính | 2 | 0 | 1 | 2 |
| 1.6 | Bộ môn Khoa học máy tính và CNPM | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **3** | **Báo cáo Hội nghị, hội thảo khoa học** | **9** | **8** | **18** | **11** |
| 1.1 | Bộ môn Điện tử - Viễn thông | 4 | 5 | 7 | 1 |
| 1.2 | Bộ môn Điều khiển tự động | 2 | 1 | 4 | 1 |
| 1.3 | Bộ môn Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 1 | 1 | 3 | 3 |
| 1.4 | Bộ môn Công nghệ kỹ thuật ôtô |  |  | 1 | 1 |
| 1.5 | Bộ môn Hệ thống và Mạng máy tính | 0 | 0 | 3 | 4 |
| 1.6 | Bộ môn Khoa học máy tính và CNPM | 2 | 1 | 0 | 1 |
| **4** | **Giải thưởng sinh viên NCKH** | **1** | **3** | **3** | **2** |
| 1.1 | Bộ môn Điện tử - Viễn thông | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 1.2 | Bộ môn Điều khiển tự động | 1 | 1 | 2 | 1 |
| 1.3 | Bộ môn Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 0 | 1 | 1 | 1 |
| 1.4 | Bộ môn Công nghệ kỹ thuật ôtô |  |  | 0 | 0 |
| 1.5 | Bộ môn Hệ thống và Mạng máy tính | 0 | 1 | 0 | 0 |
| 1.6 | Bộ môn Khoa học máy tính và CNPM | 0 | 0 | 0 | 0 |

**Bảng 7.2: Bảng thống kê giáo trình xuất bản hằng năm**

| **TT** | **Giáo trình đã xuất bản** | **Năm thống kê** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **2017** | **2018** | **2019** | **2020** |
| 1 | Nguyễn Hoa Lư, Lê Văn Chương, Giáo trình lý thuyết điều khiển tự động hệ tuyến tính, NXB Đại học Vinh, 2017. | 1 |  |  |  |
| 2 | Trần Xuân Sang, Nguyễn Thị Uyên, Hoàng Hữu Việt. Ngôn ngữ hình thức và Automata, NXB Đại học Vinh, 2018. |  | 1 |  |  |
| 3 | Nguyễn Huy Bằng (chủ biên), Nguyễn Tiến Dũng, Phổ phân tử, NXB Giáo dục, 2019.  Nguyễn Tiến Dũng (chủ biên), Nguyễn Huy Bằng, Toán cho kỹ thuật, NXB Đại học Vinh, 2019.  Trần Xuân Sang, Nguyễn Thị Uyên, Phạm Thị Thu Hiền, Nguyễn Ngọc Hiếu, Tin học Ứng dụng, NXB Đại học Vinh, 2019.  Đặng Thái Sơn, Trịnh Ngọc Hoàng, Nguyễn Hồng Quảng, Nguyễn Phúc Ngọc, Phạm Hoàng Nam, Giáo trình Kỹ thuật điện - điện tử, NXB Đại học Vinh, 2019. |  |  | 4 |  |
| 4 | Mai The Anh, Dang Thai Son, Le Van Chuong, D. N. Anisimov, Duong DinhTu, Ta Hung Cuong, Ho Sy Phuong and Hoang Vo Tung Lam, Design and Implementation of Control System Using STM32 Microcontroller, Nova science publishers, 2020 (book chapter). |  |  |  | 1 |

**Bảng 8: Bảng thống kê số lượng lưu học sinh, sinh viên nước ngoài**

*Đơn vị tính: lượt người*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Lưu học sinh, sinh viên nước ngoài** | **Năm thống kê** | | | |
| **2017** | **2018** | **2019** | **2020** |
|  | Lưu học sinh Lào | 30 | 54 | 53 | 76 |
|  | Lưu học sinh Thái Lan | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | Sinh viên Hoa Kỳ | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | Sinh viên Ghana | 0 | 0 | 0 | 2 |
| **Tổng cộng** | | **30** | **54** | **53** | **78** |

**Bảng 9: Bảng thống kê các hình thức khen thưởng**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Các hình thức khen thưởng** | **Năm** |
| **I** | **CÔNG TÁC ĐẢNG** | |
| **II** | **CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN** | |
|  | Phan Văn Dư, Giải ba cuộc thi giảng viên trẻ dạy giỏi cấp trường | 2017 |
| **III** | **CÔNG TÁC ĐOÀN THỂ** | |
|  | Nguyễn Thị Uyên, Giấy khen vì đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động Công Đoàn năm học 2019-2020 | 2020 |
|  | Nguyễn Quang Ninh, Đoàn viên công đoàn xuất sắc | 2018 |
|  | Bằng khen của Công đoàn giáo dục Việt Nam | 2017 |
|  | Giấy khen của Hiệu trưởng trường Đại Vinh | 2019 |

**Bảng 10: Bảng thống kê danh hiệu, hình thức khen thưởng của cá nhân**

| **TT** | **Danh hiệu, hình thức**  **khen thưởng** | | **Năm thống kê** | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **2017** | **2018** | **2019** | **2020** | |
|  | Hoàn thành nhiệm vụ | 37 | | 38 | 39 | 40 |
|  | Lao động tiên tiến | 36 | | 37 | 34 | 37 |
|  | Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở | 4 | | 3 | 4 | 2 |
|  | Chiến sĩ thi đua cấp Bộ | 0 | | 0 | 0 | 0 |
|  | Chiến sĩ thi đua toàn quốc | 0 | | 0 | 0 | 0 |
|  | Nhà giáo ưu tú | 0 | | 0 | 0 | 0 |
|  | Bằng khen của Bộ trưởng | 0 | | 0 | 0 | 0 |
|  | Bằng khen của TT Chính phủ | 0 | | 0 | 0 | 0 |
|  | Huân chương Lao động hạng Ba | 0 | | 0 | 0 | 0 |